

Số: 25 /2007/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 8 năm 2007.

## **QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

### **Về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 8 thông qua chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số: 378/SKH-KTĐN ngày 05 tháng 6 năm 2007 về việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 56/2005/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

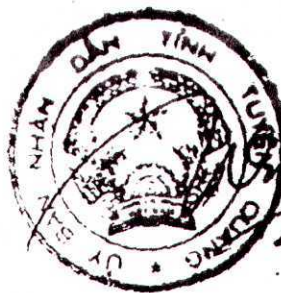
Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Như điều 3;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

Báo cáo



**Lê Thị Quang**

**QUY ĐỊNH**

**Về chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2007/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**2. Đối tượng áp dụng**

Thực hiện theo Luật Đầu tư, bao gồm:

- Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp;

- Hợp tác xã; liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

- Hộ kinh doanh, cá nhân;

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;

- Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư.

**Điều 2. Địa bàn thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư**

1. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: huyện Na Hang, huyện Chiêm Hóa.

2. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: huyện Hàm Yên, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương và thị xã Tuyên Quang.

**Điều 3. Lĩnh vực thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư.**

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

Trong giai đoạn 2007-2010, tỉnh Tuyên Quang đặc biệt khuyến khích đầu tư thực hiện các dự án tại danh mục kèm theo Quy định này.

**Điều 4. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.**

## Chương II

### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### A. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

**Điều 5. Ưu đãi đầu tư về tiền thuê đất, thuê mặt nước**

1. Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước của mỗi dự án được ổn định trong 5 năm và được tính theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành theo mục đích sử dụng đất thuê của từng vị trí.

2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước: thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể như sau:

2.1. Dự án đầu tư tại địa bàn các huyện Na Hang, Chiêm Hóa.

a) Miễn hoàn toàn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

b) Miễn có thời hạn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động:

- Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

- Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư còn lại.

2.2. Dự án đầu tư tại địa bàn các huyện Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương và thị xã Tuyên Quang

Miễn có thời hạn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động, cụ thể:

- Mười một (11) năm đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

- Bảy (7) năm đối với dự án đầu tư còn lại.

2.3. Miễn hoàn toàn tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh đối với dự án sử dụng đất xây dựng nhà chung cư cho công nhân của các khu công nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự án sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao, khoa học - công nghệ.

3. Thời gian thuê đất: theo dự án được duyệt, nhưng không quá 50 năm.

**Điều 6. Ưu đãi về thuế**

Nhà đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Điều 7. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng**

1. Đối với dự án đầu tư vào khu, cụm công nghiệp và khu, điểm du lịch theo quy hoạch:

Tình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gồm đường giao thông, hệ thống thoát nước đến hàng rào của khu, cụm công nghiệp và khu, điểm du lịch.

Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách địa phương để hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước thải chung trong hàng rào khu, cụm công nghiệp và khu du lịch.

2. Dự án đầu tư vào địa bàn ngoài khu, cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào quy mô, lĩnh vực ngành, nghề và địa bàn thực hiện từng dự án cụ thể, xem xét, quyết định mức hỗ trợ nhưng tối đa không quá 50% kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu gồm đường giao thông, hệ thống thoát nước thải ngoài hàng rào dự án.

## **Điều 8. Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động địa phương**

1. Điều kiện được hỗ trợ kinh phí:

a) Nhà đầu tư sử dụng lao động tại địa phương (ưu tiên những hộ trong diện bị thu hồi đất thực hiện dự án).

b) Nhà đầu tư tổ chức đào tạo lao động địa phương có tay nghề thành thạo để bố trí làm việc trong dây chuyền sản xuất chính của dự án.

2. Mức hỗ trợ kinh phí: nhà đầu tư sử dụng lao động, đủ điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần để đào tạo nghề trong nước, mức hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí đào tạo cho một lao động và không quá 300.000 đồng Việt Nam/người/tháng, không quá 1.500.000 đồng Việt Nam/người/khoá học nghề.

3. Kinh phí đào tạo được quản lý, sử dụng theo Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn; Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 19/01/2006 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn.

## **B. THỦ TỤC ĐẦU TƯ**

### **Điều 9. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư**

1. Giấy chứng nhận đầu tư là cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước liên quan giải quyết cấp hỗ trợ, ưu đãi cho nhà đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư khi cấp cho nhà đầu tư phải nêu các hỗ trợ, ưu đãi mà nhà đầu tư được hưởng để làm căn cứ cho cơ quan chức năng giải quyết hỗ trợ, ưu đãi cho nhà đầu tư.

## 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư

### a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đối với:

- Dự án đầu tư thực hiện ngoài khu công nghiệp, bao gồm cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp chưa thành lập Ban Quản lý khu công nghiệp.

b) Ban Quản lý khu công nghiệp của tỉnh (được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập) tiếp nhận hồ sơ đối với:

- Dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, bao gồm cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

## 3. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư

a) Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư các dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

b) Ban Quản lý khu công nghiệp thực hiện đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư các dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

## **Điều 10. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đầu tư**

1. Đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và thuộc các trường hợp sau:

a) Dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư.

b) Dự án không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư căn cứ vào nội dung văn bản đăng ký đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký đầu tư hợp lệ.

2. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký đầu tư, hồ sơ đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp thành lập tổ chức kinh tế gắn với dự án đầu tư) và cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà không được yêu cầu bổ sung thêm giấy tờ nào khác.

3. Đối với dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư: trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

4. Đối với dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư: trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Đối với dự án do Ban Quản lý khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đầu tư, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý khu công nghiệp tổng hợp ý kiến các cơ quan được hỏi ý kiến để quyết định cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

### Chương III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 11.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cấp, các ngành liên quan tổ chức thực hiện và có trách nhiệm hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện đúng chính sách này.

**Điều 12.** Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / 2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Lê Thị Quang

# DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ GỌI VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH TUYÊN QUANG

Ban hành kèm theo Quyết định số

23/2007/QĐ-UBND ngày

14 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh

GIẢI ĐOÀN 2007-2010



STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô công suất	Vốn đầu tư	
				(tỷ đồng VN)	(triệu USD)
<b>A</b>					
1	Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư				
1	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải	Thị xã Tuyên Quang	500 m <sup>3</sup> /ngày	128	8
2	Xây dựng Đường lão đường tỉnh Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn		480	30
3	Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	Huyện Yên Sơn	200ha	160	10
4	Dự án phát triển thủy sản lồng hồ thủy điện	Huyện Na Hang	8.000 ha	160	10
5	Chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp và phát triển nông thôn				
<b>B</b>					
<b>Dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư</b>					
1	Giáo dục đào tạo, y tế				
1	Trung tâm đào tạo quốc tế tỉnh Tuyên Quang	Thị xã Tuyên Quang	150 ha	320	20
2	Xây dựng trường kỹ nghệ tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	1000 học sinh	256	16
3	Xây dựng bệnh viện điều dưỡng	Huyện Yên Sơn	100 giường	112	7
II	Hạ tầng cơ sở				
1	Xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi	Các huyện			
2	Xây dựng một số cơ sở hạ tầng về giống cây trồng, vật nuôi		1 triệu cây, con giống	112	7
<b>III</b>					
<b>Công, nông, lâm nghiệp, du lịch và làng nghề</b>					
1	Nhà máy thủy điện Năm Vàng	Huyện Na Hang	1.3 MW	48	3
2	Nhà máy thủy điện Ninh Lai	Huyện Sơn Dương	5 MW	160	10
3	Nhà máy thủy điện Thác Róm	Huyện Chiêm Hóa	3 MW	96	6
4	Nhà máy thủy điện Phù Lưu	Huyện Hàm Yên	1 đến 3 MW		
5	Nhà máy thủy điện Yên Lâm	Huyện Hàm Yên	1 đến 3 MW		
6	Nhà máy cơ khí	KCN Long Bình An	500 tấn SP/năm	160	10
7	Các nhà máy sản xuất gạch tuynel	Các huyện	90 triệu viên/năm	56	4
8	Nhà máy ván ép nhân tạo MDF	KCN Long Bình An	30.000 m <sup>3</sup> /năm	179	11
9	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu	KCN Long Bình An	6.000 m <sup>3</sup> /năm	34	2
10	Sản xuất đồ gỗ gia dụng	KCN Long Bình An	40.000 SP/năm	64	4
11	Chế biến gỗ xuất khẩu	KCN Long Bình An	10.000 m <sup>3</sup> /năm	112	7
12	Đổi mới công nghệ chế biến chè	KCN Long Bình An	4.000 tấn/năm	80	5
13	Nhà máy chế biến thực phẩm	Huyện Chiêm Hóa	1.000 tấn SP/năm	16	1
14	Trồng và chế biến chè xuất khẩu	Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương	5.000 ha	160	10



STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô công suất	Vốn đầu tư	
				(tỷ đồng VN)	(triệu USD)
15	Trồng và chế biến măng xuất khẩu	Các huyện	1000ha	144	9
16	Chế biến các sản phẩm từ lạc	Huyện Chiêm Hóa	20.000 tấn SP/năm	32	2
17	Nhà máy chế biến nước hoa quả	KCN Long Bình An	10000 tấn SP/năm	160	10
18	Trồng rừng nguyên liệu giấy	Các huyện	100.000 ha	800	50
19	Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	Huyện Yên Sơn		320	20
20	Khu du lịch sinh thái Na Hang	Huyện Na Hang		160	10
21	Điểm du lịch sinh thái Phiêng Bung	Huyện Na Hang		160	10
22	Điểm du lịch sinh thái Núi Dùm	Thị xã Tuyên Quang		320	20
23	Điểm du lịch sinh thái Động Tiên	Huyện Hàm Yên			
24	Điểm du lịch sinh thái Soi Lâm	Thị xã Tuyên Quang			
25	Điểm du lịch rừng nguyên sinh Cham Chu	Huyện Hàm Yên			
26	Điểm du lịch sinh thái hồ Thái Sơn	Huyện Hàm Yên			
27	Điểm du lịch sinh thái Thác nước Bàn Ba, xã Trung Hà	Huyện Chiêm Hóa			
28	Điểm du lịch cụm Hang Mỏ Ngoang, xã Phúc Sơn	Huyện Chiêm Hóa			
29	Làng nghề mây tre đan xã Ý La	Thị xã Tuyên Quang			
30	Làng nghề mây tre đan xã Trung Hà	Huyện Chiêm Hóa			
31	Làng nghề dệt thổ cẩm thị trấn Tân Yên	Huyện Hàm Yên			
32	Làng nghề dệt thổ cẩm xã Thổ Bình	Huyện Chiêm Hóa			
33	Làng nghề dệt thổ cẩm Nà Tông xã Thượng Lâm	Huyện Na Hang			
34	Cơ sở mộc sợi xuất khẩu xã Minh Hương	Huyện Hàm Yên			
<b>C</b>	<b>Dự án gọi vốn ODA đầu tư</b>				
1	Xây dựng bệnh viện lao	Thị xã Tuyên Quang			
2	Nâng cấp các bệnh viện khu vực, bệnh viện huyện	Các huyện	150 giường bệnh 150 giường/1 BV	160 128	10 8
3	Nâng cấp và tăng cường trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện huyện	Thị xã Tuyên Quang và các huyện trong tỉnh			
4	Xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	400 học sinh	64	4

Ghi chú: tỷ giá tam tính 1USD (đó là Mỹ) = 16.000 VND (đồng Việt Nam)